

BẢN SAO**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT****BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỨNG NHẬN BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 05-05-2022

0563-01

Số CC:.....Quyển số:.....SCC/BS

**CÔNG CHỨNG VIÊN**
Nguyễn Thị Liễu

Tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

A15, tầng 1, tòa nhà Home City, số 177 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch
Bà Đào Thị Thanh Hà	Thành viên
Ông Hà Phúc Hoàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thùy Thương	Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Thương	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

A15, tầng 1, tòa nhà Home City, số 177 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thùy Thương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.537.078.442	28.249.399.931
I. Tiền	110	4	3.766.145.528	1.748.883.137
1. Tiền	111		3.766.145.528	1.748.883.137
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	13.111.301.372
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	13.111.301.372
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.820.099.997	12.318.928.821
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	644.600.000	3.800.501.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.166.499.997	8.509.427.571
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.000.000	9.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		-	391.547.000
1. Hàng tồn kho	141		-	391.547.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		950.832.917	678.739.601
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	419.668.001	678.739.601
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		531.164.916	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.948.050.086	11.924.092.554
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		746.172.572	948.478.172
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	746.172.572	948.478.172
II. Tài sản cố định	220		28.915.721.698	10.609.786.379
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.876.138.359	10.545.203.044
- Nguyên giá	222		27.661.983.352	16.307.800.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.785.844.993)	(5.762.597.117)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	11.039.583.339	64.583.335
- Nguyên giá	228		11.135.000.000	135.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.416.661)	(70.416.665)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.532.272.730	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.532.272.730	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		753.883.086	365.828.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	753.883.086	365.828.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		39.485.128.528	40.173.492.485

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.458.220.607	5.748.066.234
I. Nợ ngắn hạn	310		4.458.220.607	5.748.066.234
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.056.817.679	795.449.270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	578.968.308	210.897.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	120.054.197	89.264.971
4. Phải trả người lao động	314		81.498.462	304.343.686
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		129.391.423	8.657.799
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	1.992.455.325	4.220.308.685
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	499.035.213	119.144.523
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.026.907.921	34.425.426.251
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	35.026.907.921	34.425.426.251
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	32.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.000.000.000	32.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.026.907.921	2.425.426.251
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.425.426.251	2.396.998.725
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		601.481.670	28.427.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		39.485.128.528	40.173.492.485



Nguyễn Thùy Thương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	11.262.167.388	13.130.056.301
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	18	11.262.167.388	13.130.056.301
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	9.302.473.774	10.001.493.165
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.959.693.615	3.128.563.136
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.386.224.850	739.056.953
6. Chi phí bán hàng	25	22	783.796.101	1.328.644.509
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.405.484.436	2.377.544.805
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}	30		1.156.637.928	161.430.775
9. Thu nhập khác	31		5.830.460	1.566.276
10. Chi phí khác	32		460.207.162	60.402.217
11. Lợi nhuận/ (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(454.376.702)	(58.835.941)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		702.261.226	102.594.834
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	100.779.556	74.167.308
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		601.481.670	28.427.526
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	188	9



Nguyễn Thùy Thương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	702.261.226	102.594.834
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.231.760.989	3.275.915.870
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.146.246.158)	(335.769.281)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(58.972.923)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.787.776.057	2.983.768.500
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.892.091.934	1.357.984.437
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	391.547.000	680.549.400
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.368.202.064)	3.106.158.234
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(128.983.483)	617.589.586
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	13.111.301.372	(9.111.301.372)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.423.119)	(620.382.389)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.663.107.697	(985.633.604)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.032.070.156)	(5.012.694.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.000.000.000	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.250.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.386.224.850	769.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.645.845.306)	(761.924.719)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	2.017.262.391	(1.747.558.323)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.748.883.137	3.496.441.460
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	3.766.145.528	1.748.883.137



Nguyễn Thùy Thương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0106182582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/05/2013 và đăng ký được thay đổi lần thứ 09 ngày 02/11/2020. Vốn điều lệ của Công ty là 32.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 22 người (tại ngày 31/12/2020 là: 53 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trong tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; và
- In ấn.

Hoạt động chính của Công ty là các loại hình giáo dục và đào tạo.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn Upcom, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn Upcom không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Chi phí sử dụng bản quyền thể hiện khoản tiền Công ty đã trả cho bản quyền chương trình đào tạo đang sử dụng. Chi phí sử dụng bản quyền được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng (05 năm).

Chi phí trả trước tiền thuê nhà, thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất tại khu đô thị Xuân Phương và phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

Quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đô thị Xuân Phương được Công ty xác định dựa trên giá thị trường.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữuVốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	474.703.257	102.239.576
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.291.442.271	1.646.643.561
Cộng	3.766.145.528	1.748.883.137

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trung tâm phòng, chống Tai nạn Thương tích Trẻ em	434.600.000	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity Partners	210.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	3.385.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Việt Nam	-	200.000.000
Các đối tượng cá nhân khác	-	215.501.250
Cộng	644.600.000	3.800.501.250

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn FTA	714.499.997	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An	440.000.000	-
Công ty Cổ phần Nội thất DTF Việt Nam	-	2.412.932.571
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Dịch vụ - Thương mại Trí Phát Nam	-	1.079.445.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Bảo Minh	-	1.500.000.000
Các đối tượng khác	12.000.000	17.050.000
Cộng	1.166.499.997	8.509.427.571

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	9.000.000	9.000.000
Ký quỹ, ký cược	9.000.000	9.000.000
b) Phải thu dài hạn khác	746.172.572	948.478.172
Ký quỹ, ký cược	746.172.572	948.478.172
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	412.789.100	412.789.100
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long	333.383.472	333.383.472
- Homecity Trung Kính	-	202.305.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	419.668.001	678.739.601
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	412.789.101	668.089.101
Các khoản khác	6.878.900	10.650.500
b) Dài hạn	753.883.086	365.828.003
Phí sử dụng thương hiệu	61.546.680	98.474.676
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	692.336.406	267.353.327

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	15.291.052.711	1.016.747.450	16.307.800.161
- Mua trong năm	11.777.675.000	-	11.777.675.000
- Giảm khác (i)	(423.491.809)	-	(423.491.809)
Số cuối năm	26.645.235.902	1.016.747.450	27.661.983.352
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	5.442.771.920	319.825.197	5.762.597.117
- Khấu hao trong năm	3.750.139.211	456.621.782	4.206.760.993
- Giảm khác (i)	(183.513.117)	-	(183.513.117)
Số cuối năm	9.009.398.014	776.446.979	9.785.844.993
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	9.848.280.791	696.922.253	10.545.203.044
Số cuối năm	17.635.837.888	240.300.471	17.876.138.359

Ghi chú:

- (i) Tài sản gắn tường bị hỏng không có giá trị sử dụng được đánh giá ghi nhận giảm tài sản theo Quyết định của Tổng Giám đốc về việc điều chuyển và thanh lý tài sản cố định ngày 03/01/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	135.000.000	135.000.000
- Tăng trong năm	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Số cuối năm	11.000.000.000	135.000.000	11.135.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	70.416.665	70.416.665
- Khấu hao trong năm		24.999.996	24.999.996
Số cuối năm	-	95.416.661	95.416.661
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	64.583.335	64.583.335
Số cuối năm	11.000.000.000	39.583.339	11.039.583.339

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 60.000.000 VND (tại ngày 31/12/2020 là: 60.000.0000 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí tư vấn Dự án: Trải nghiệm về nguồn	2.532.272.730	-
- ATK thủ đô gió ngàn		
Cộng	2.532.272.730	-

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	835.556.292	835.556.292	51.094.836	51.094.836
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long	141.973.516	141.973.516	450.328.000	450.328.000
Công ty TNHH Tư vấn Hỗ trợ Giáo dục Việt Nam	64.720.000	64.720.000	115.784.000	115.784.000
Công ty TNHH Văn phòng phẩm Bình Gia Huy	-	-	42.391.855	42.391.855
Các đối tượng khác	14.567.871	14.567.871	135.850.579	135.850.579
Cộng	1.056.817.679	1.056.817.679	795.449.270	795.449.270

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Học viên trả tiền trước	578.968.308	210.897.300
Cộng	578.968.308	210.897.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	34.324.134	-	34.324.134	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.423.119	100.779.556	22.423.119	100.779.556
Thuế thu nhập cá nhân	29.313.208	14.309.148	25.327.077	18.295.279
Các khoản phải nộp khác	3.204.510	19.604.931	21.830.079	979.362
Cộng	89.264.971	134.693.635	103.904.409	120.054.197

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGÁN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền thu trước học phí của các học viên	1.992.455.325	4.220.308.685
Cộng	1.992.455.325	4.220.308.685

16. PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	52.142.000	33.902.000
Bảo hiểm xã hội	46.893.213	85.242.523
Phải trả phải nộp khác	400.000.000	-
- Công ty Cổ phần ATK Châu Á (i)	200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An (i)	200.000.000	-
Cộng	499.035.213	119.144.523

Ghi chú:

- (i) Hợp tác liên doanh thực hiện dự án ATK - Khu di tích lịch sử - sinh thái Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên với tổng số vốn đầu tư cho giai đoạn 1 là: 8.000.000.000 VND. Dự án đã đầy đủ hồ sơ pháp lý và đã được các cấp phê duyệt thực hiện.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	32.000.000.000	2.455.971.648	34.455.971.648
Lãi trong năm	-	28.427.526	28.427.526
Giảm khác (i)	-	(58.972.923)	(58.972.923)
Số đầu năm nay	32.000.000.000	2.425.426.251	34.425.426.251
Lãi trong năm	-	601.481.670	601.481.670
Số cuối năm nay	32.000.000.000	3.026.907.921	35.026.907.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là: 32.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Kim Cương	-	0,00%	19.680.000.000	61,50%
Bà Nguyễn Thùy Thương	11.045.000.000	34,52%	11.445.000.000	35,77%
Các cổ đông khác	20.955.000.000	65,48%	875.000.000	2,73%
Cộng	32.000.000.000	100,00%	32.000.000.000	100,00%

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	11.262.167.388	13.130.056.301
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	11.262.167.388	13.130.056.301
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.262.167.388	13.130.056.301

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đào tạo	9.302.473.774	10.001.493.165
Cộng	9.302.473.774	10.001.493.165

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	892.147.000	588.257.744
Chi phí nhân công	2.274.465.395	3.648.421.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.231.760.989	3.275.915.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.698.268.741	5.960.075.070
Chi phí khác bằng tiền	395.112.186	235.012.019
Cộng	11.491.754.311	13.707.682.479

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	402.934	769.281
Lãi bán các khoản đầu tư	967.328.767	335.000.000
Lãi bán trái phiếu kinh doanh	418.493.149	403.287.672
Cộng	1.386.224.850	739.056.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên	901.668.746	1.221.326.347
Chi phí vật liệu quản lý	31.177.196	28.641.865
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.009.787	31.764.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.587.982	482.568.886
Thuế, phí và lệ phí	65.974.220	46.164.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.282.536	449.912.919
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	37.783.969	117.165.992
Cộng	1.405.484.436	2.377.544.805
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	5.707.200
Chi phí nhân viên	438.240.760	655.086.551
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.265.157	21.432.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	296.912.492	629.914.529
Các khoản chi phí bán hàng khác	27.377.692	16.503.545
Cộng	783.796.101	1.328.644.509

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	702.261.226	102.594.834
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	17.592.744	57.570.303
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	17.592.744	57.570.303
- Các khoản chi phí không được trừ	17.592.744	57.570.303
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	719.853.970	160.165.137
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất thông thường	143.970.794	32.033.027
Thuế TNDN được giảm (i)	(43.191.238)	(9.609.908)
Thuế TNDN truy thu của năm trước	-	51.744.189
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	100.779.556	74.167.308

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ghi chú:

- (i) Căn cứ theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 10 năm 2021, Công ty đang tự xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm là 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 do tổng doanh thu năm 2021 của Công ty không quá 200 tỷ VND và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	601.481.670	28.427.526
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	601.481.670	28.427.526
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.200.000	3.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	188	9

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

25. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 6.277.877.574 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm đã ứng trước từ năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Nguyễn Thùy Thương
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Lãnh đạo chủ chốt

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc		
Nguyễn Thùy Thương - Tổng Giám đốc	208.590.000	626.189.399
Đào Thị Thanh Hà - Phó Tổng Giám đốc	-	36.347.223
Đào Đức Việt - Phó Tổng Giám đốc	139.000.000	104.724.840

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Thùy Thương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu